

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2021/HS-ST

Ngày: 02/8/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Thị Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Tiến

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2021/TLST- HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70A/2021/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐ - HPT ngày 02/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB - TA ngày 19/7/2021 đối với bị cáo:

**Lương Mai T**, sinh năm 1994; ĐKKHKT và cư trú: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn Q và bà Hoàng Thị P; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**\*Bị hại:** Ngân hàng TMCP B (B)

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đức T: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Phạm Thị Đ - Phó trưởng phòng giao dịch khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Phạm Trương Ngọc A, sinh năm 1995

ĐKKHKT: Tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Trú tại: Số 9, ngách 374/19 A, quận T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1962

Trú tại: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. (Có mặt).

**\*Người làm chứng:**

- Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 306 PVD, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Là phó phòng giao dịch khách hàng Ngân hàng TMCP B (B) - Chi nhánh H. (Vắng mặt).

- Chị Bùi Thị V, sinh năm 1973

Địa chỉ: 61/207 Đ, phường B, thành phố H. (Là giao dịch viên của phòng giao dịch L - Chi nhánh Ngân hàng B Hải Dương). (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 2B VNT, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Là giao dịch viên của phòng giao dịch H – Chi nhánh Ngân hàng B Hải Dương). (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981

Địa chỉ: 124B T, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Là giám đốc phòng giao dịch H - Chi nhánh ngân hàng B Hải Dương). (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2020 tại đường T, thành phố Hà Nội, Lương Mai T nhật được chứng minh nhân dân số 24140xxxx, cấp ngày 12/07/2019 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp mang tên Phạm Trương Ngọc A, sinh ngày 22/01/1995, HKTT: Tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. T cầm chứng minh nhân dân của chị A về phòng trọ tại địa chỉ số 100 C, phường N, TP Hải Dương. Ngày 21/06/2020, có tài khoản Facebook mang tên “Ngọc Nguyễn” nhắn tin vào tài khoản Facebook của T mang tên “Mai T” với nội dung muốn mua giấy chứng minh nhân dân và tài khoản ngân hàng mở bằng giấy chứng minh nhân dân của T với số tiền 500.000 đồng. T nhắn tin nói chuyện qua tài khoản Facebook với người này là có 01 giấy chứng minh nhân dân nhưng không phải của T thì người này hướng dẫn T bóc ảnh trong giấy chứng minh nhân dân và dán ảnh T vào sau đó đi mở tài khoản ngân hàng để bán. T làm theo hướng dẫn, bóc ảnh của người có tên A trong giấy chứng minh rồi dán ảnh của T vào chứng minh thư nhân dân nhật được của chị Phạm Trương Ngọc A.

Khoảng 14 giờ ngày 22/6/2020, T đến chi nhánh Ngân hàng B (viết tắt: B) ở phường H, TP H gặp chị Nguyễn Thị Thùy T là nhân viên giao dịch, đưa cho

chị T giấy chứng minh nhân dân mang tên chị A nhưng dán ảnh của T để mở tài khoản ngân hàng. Chị Thuỳ T kiểm tra thông tin và thông báo số chứng minh thư nhân dân trên đã đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng B nên Lương Mai T nói muốn thay đổi thông tin và đăng ký dịch vụ Smartbanking để sử dụng. Chị Thuỳ T đưa cho Lương Mai T mẫu tờ khai đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin, 01 tờ đăng ký kiêm sử dụng dịch vụ ngân hàng bán lẻ và bảo Lương Mai T ghi đầy đủ thông tin cá nhân, ký tên. T tự điền thông tin tên, tuổi, địa chỉ theo thông tin của chứng minh thư nhân dân Lương Mai T nhật được là Phạm Trương Ngọc A, năm sinh 1995; HKTT: Tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, thông tin số điện thoại là 0329225xxx để đăng ký dịch vụ tin nhắn và Smartbanking với ngân hàng (số điện thoại trên do người có tài khoản Facebook “Ngọc Nguyễn” cung cấp). Lương Mai T ký, ghi họ tên là Phạm Trương Ngọc A vào 02 tờ khai rồi đưa lại cho chị Thuỳ T. Chị Thuỳ T kiểm tra, đối chiếu chữ ký trong tờ khai Lương Mai T đưa với chữ ký lưu tại hệ thống ngân hàng B thấy không giống nhau, chị Thuỳ T hỏi thì Lương Mai T nói thay đổi chữ ký, không nhớ chữ ký cũ từ thời sinh viên. Chị Thuỳ T thấy ảnh trong giấy Chứng minh nhân dân giống với Lương Mai T nên chị Thuỳ T tin tưởng, hướng dẫn mô tả lại chữ ký trong hệ thống của Ngân hàng để Lương Mai T ký giống với chữ ký cũ. Sau đó, khi Lương Mai T ký lại vào 02 tờ khai thì chị Thuỳ T đồng ý làm thủ tục để đăng ký dịch vụ tin nhắn, Smartbanking và thay đổi thông tin số điện thoại đối với tài khoản của chị Phạm Trương Ngọc A tại Ngân hàng B.

Sau khi làm xong thủ tục, Lương Mai T tải ứng dụng Internet Banking của ngân hàng B về máy điện thoại Iphone 7 màu đỏ, lắp sim SĐT: 0948.983.xxx của T và đăng nhập vào tài khoản bằng số điện thoại: 0329.225.xxx còn mật khẩu để đăng nhập do hệ thống Ngân hàng gửi về số điện thoại 0329.225.xxx nên T đã nhắn tin cho chủ tài khoản Facebook “Ngọc Nguyễn” để lấy lại mật khẩu. Sau khi đăng nhập xong, T thấy trong tài khoản của chị A có số tiền 38.000.000 đồng. Lúc này T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên T đi đến Ngân hàng B chi nhánh Hải Dương; Địa chỉ: Số 2 L, phường P, TP H để làm thủ tục rút tiền. Tại đây, T gặp nhân viên giao dịch là chị Bùi Thị V, T đưa chị V giấy chứng minh nhân dân số 24140xxxx, cấp ngày 12/07/2019 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp mang tên Phạm Trương Ngọc A (đã thay ảnh của chị A bằng ảnh của T) rồi yêu cầu rút tiền. Chị V kiểm tra thấy tài khoản 28910600112xxx có 38.000.000 đồng là tài khoản thấu chi. Theo quy định của Ngân hàng khách hàng không rút được tiền từ tài khoản thấu chi mà chỉ rút tiền được ở tài khoản thanh toán nên chị V thông báo cho T biết. Sau đó, theo hướng dẫn của chị V, T sử dụng điện thoại đăng nhập ứng dụng Smartbanking và thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản thấu chi sang tài khoản số 12810000187301 là tài khoản thanh toán chủ tài khoản là chị Phạm Trương Ngọc A. Chị V thấy vậy nên tin tưởng và làm thủ tục rút số tiền 38.000.000 đồng cho T. Sau khi làm thủ tục xong, T ký nhận họ tên Phạm Trương Ngọc A vào giấy nhận tiền và nhận số tiền trên rồi về nhà. Sau khi về nhà T đã sử dụng số tiền trên trả cho bạn là chị Đỗ Thị C số tiền 13.000.000đ; Trả tiền thuê nhà cho ông Đặng Ngọc Đ số tiền 6.000.000đ; cho em gái là Lương Mai Q số tiền 1.000.000đ (khi trả tiền cho chị C, ông Đ, cho tiền chị Q, T không nói cho những người trên biết

là tiền do phạm tội mà có); số tiền còn lại 18.000.000đ T để ở phòng trọ chưa sử dụng vào việc gì.

Ngày 23/06/2020, chị Phạm Trương Ngọc A phát hiện số điện thoại chị đã đăng ký dịch vụ Smartbanking không giao dịch được, chị A đã liên lạc với Ngân hàng B chi nhánh N - Hà Nội để kiểm tra nên biết số tiền 38.000.000 đồng trong tài khoản đã bị rút tại Ngân hàng B chi nhánh H. Cùng ngày, Ngân hàng B chi nhánh N - Hà Nội thông báo đến Ngân hàng B chi nhánh H về việc khách hàng Phạm Trương Ngọc A bị mất số tiền 38.000.000 đồng trong tài khoản nên chị V biết nữ khách hàng đến làm thủ tục rút tiền ngày 22/06/2020 không phải là chủ tài khoản Phạm Trương Ngọc A. Sau đó, chị V liên lạc với số điện thoại 0329.225.xxx thì có một người đàn ông nghe điện thoại, chị V trao đổi muốn nhờ người đàn ông này liên hệ khách hàng đã rút tiền ngày 22/06/2020 đến Ngân hàng S, địa chỉ: số 114 T, phường L, thành phố H, đồng thời chị V trình báo cơ quan Công an. Khi T đến địa chỉ trên thì được cơ quan Công an mời về trụ sở Cơ quan công an để làm việc. Ngày 24/6/2020, Ngân hàng B - Chi nhánh Hải Dương đã hoàn trả vào tài khoản của chị A số tiền 38.000.000đ. Ngày 27/6/2020, mẹ đẻ Lương Mai T là bà Hoàng Thị P đã tự nguyện giao nộp số tiền 38.000.000đ cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương để khắc phục hậu quả trả lại cho ngân hàng B.

**Tại Kết luận giám định số 5392 ngày 05/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công An kết luận:**

- *Mẫu in giấy chứng minh nhân dân số 24140xxxx mang tên Phạm Trương Ngọc A ngày 12/7/2019 là mẫu in thật.*

- *Giấy chứng minh thư nhân dân số 24140xxxx mang tên Phạm Trương Ngọc A ngày 12/7/2019 đã bị thay ảnh.*

**Tại Kết luận giám định số 5365 ngày 07/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:** Không tìm thấy tin nhắn đã bị xóa trên ứng dụng Messenger giữa 02 tài khoản Facebook: “Mai T” và “Ngọc Nguyễn” trong mẫu vật gửi giám định.

Quá trình điều tra Lương Mai T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 26/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Lương Mai T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 340 Bộ luật hình sự..

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Ngân hàng TMCP B là bà Phạm Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định việc Lương Mai T lừa dối nhân viên Ngân hàng B để rút số tiền 38.000.000đ trong tài khoản của chị Phạm Trương Ngọc A thì người bị thiệt hại chính là ngân hàng B. Sau khi chị A phát hiện ra tài khoản bị mất số tiền 38.000.000đ đã liên lạc với Ngân hàng B - Chi nhánh H và Ngân hàng B - Chi nhánh H đã phải khắc phục hậu quả trả lại chị A số tiền 38.000.000đ. Đến nay Lương Mai T và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả

trả lại Ngân hàng số tiền trên nên Ngân hàng B không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Trương Ngọc A xác định đã được ngân hàng B - Chi nhánh H chuyển trả số tiền 38.000.000đ nên không yêu cầu đề nghị gì.

Bà Hoàng Thị P là mẹ đẻ bị cáo xác định sau khi T bị Ngân hàng phát hiện hành vi phạm tội đã gọi điện nói chuyện, tác động đến bà để bồi thường trả lại số tiền 38.000.000đ cho Ngân hàng B. Vì vậy, ngày 27/6/2020 bà đã tự nguyện giao nộp số tiền 38.000.000đ (trong đó có 19.000.000đ là tiền của bà; 18.000.000đ là tiền T lừa đảo Ngân hàng vẫn cất giấu ở nhà trọ và 1.000.000đ T cho em gái là Lương Mai Q) cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương để khắc phục hậu quả trả lại cho ngân hàng B. Đến nay do T là con gái bà nên bà tự nguyện cho bị cáo số tiền 19.000.000đ trên và không yêu cầu đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Mai T phạm tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 340 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 340; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Mai T từ 7 đến 10 tháng tù về tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức. Khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Mai T từ 18 đến 21 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 25 đến 31 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Hình phạt bổ sung: không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết; Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ, đã qua sử dụng, số seri: F2MT9S8AHX9F, số Imei:355837086310xxx, kiểu máy: MPR12LL/A của Lương Mai T; Về án phí: Buộc bị cáo Lương Mai T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

*Khoảng tháng 02 năm 2020, tại số 100 C, phường N, thành phố Hải Dương; Lương Mai T đã có hành vi bóc ảnh trong chứng minh nhân dân số 24140xxxx mang tên Phạm Trương Ngọc A sau đó dán ảnh của T vào chứng minh thư trên để thực hiện việc mở tài khoản tại các ngân hàng.*

*Đến khoảng 14 giờ ngày 22/6/2020, Lương Mai T đến phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần B (B); Địa chỉ: 677 L, phường H, thành phố H làm thủ tục thay đổi thông tin tài khoản và đăng ký dịch vụ Smartbanking để sử dụng tài khoản tại ngân hàng B của chị A. Sau đó, đến 15 giờ cùng ngày, T đến ngân hàng B - Chi nhánh H; địa chỉ: Số 2 L, phường P, thành phố H sử dụng chứng minh thư mang tên Phạm Trương Ngọc A, lừa dối nhân viên ngân hàng để làm thủ tục chiếm đoạt số tiền 38.000.000đ trong tài khoản của chị A.*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý bất bình và lo lắng trong nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo đã dùng ảnh của mình thay vào ảnh trong chứng minh thư nhân dân nhật được của chị Phạm Trương Ngọc A, làm sai lệch nội dung và sử dụng chứng minh nhân dân của chị A đã được thay ảnh của bị cáo đến ngân hàng B - Chi nhánh H làm thủ tục thay đổi thông tin tài khoản và đăng ký dịch vụ Smartbanking để sử dụng tài khoản tại ngân hàng B của chị A. Sau khi truy cập dịch vụ Smartbanking thấy tài khoản của chị A có số tiền 38.000.000đ bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho nhân viên Ngân hàng tin tưởng bị cáo chính là chị A và đã làm thủ tục cho bị cáo rút số tiền 38.000.000đ trong tài khoản của chị A, gây thiệt hại về tài sản cho Ngân hàng B. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 340 Bộ luật hình sự và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo đã tự nguyện và tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả trả lại số tiền chiếm đoạt cho ngân hàng B. Mẹ đẻ bị cáo là bà Hoàng Thị P được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức); điểm b, s khoản 1



Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội nêu trên.

Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; HĐXX xét thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân trở thành một người công dân tốt, sống có ích và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ hoàn trả: Đối với số tiền 38.000.000đ bị cáo lừa đảo nhân viên ngân hàng rút tiền trong tài khoản của chị A đến nay bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục trả lại cho Ngân hàng B số tiền trên. Đại diện Ngân hàng B không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Chị Phạm Trương Ngọc A xác định đã được ngân hàng B - Chi nhánh H chuyển trả số tiền 38.000.000đ nên không yêu cầu đề nghị gì vì vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với bà Hoàng Thị P là mẹ đẻ bị cáo tự nguyện cho bị cáo số tiền 19.000.000đ để bồi thường cho Ngân hàng B, bà P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Trương Ngọc A số 24140xxxx là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu đỏ, đã qua sử dụng, số seri: F2MT9S8AHX9F, số Imei:355837086310xxx, kiểu máy: MPR12LL/A của bị cáo, bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại trên liên lạc với tài khoản Facebook Ngọc Nguyễn để thực hiện hành vi phạm tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng ứng dụng Smartbanking trên điện thoại thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản thấu chi sang tài khoản thanh toán của chủ tài khoản là chị Phạm Trương Ngọc A để làm thủ tục rút số tiền 38.000.000đ. Do vậy xác định chiếc điện thoại trên là công cụ để bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người sử dụng tài khoản Facebook Ngọc Nguyễn, đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với chủ thuê bao số điện thoại 0329225xxx là Hoàng Tiến N, sinh ngày 17/10/1976; Địa chỉ: NT, L, Hà Nội. Qua xác minh tại phường NT, quận L, TP Hà Nội hiện nay anh N không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với chủ thuê bao số điện thoại 0783161xxx là anh Đào Duy T, sinh năm 1988; Trú tại: Số 45/16 LH, khu B2, thị trấn N, huyện T, TP Hải Phòng. Quá trình điều tra anh T xác định xuất cảnh từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2020 mới

nhập cảnh về nước. Hiện chưa xác định được ai sử dụng số điện thoại này. Anh T không vi phạm nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị Thùy T và Bùi Thị V khi Lương Mai T đến làm thủ tục thay đổi thông tin khách hàng và làm thủ tục rút tiền không biết Lương Mai T sử dụng giấy chứng minh nhân dân của người khác đã được thay ảnh nên không có căn cứ xử lý theo pháp luật.

Đối với chị Lương Mai Q, chị Đỗ Thị C, ông Đặng Văn Đ khi Lương Mai T cho tiền và trả tiền không biết là tiền do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra T còn sử dụng chứng minh nhân dân của chị Phạm Trương Ngọc A mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP S; Ngân hàng TMCP N; Ngân hàng TMCP Q, Công an thành phố Hải Dương đã ra quyết định xử phạt hành chính số 91 ngày 22/3/2021 đối với Lương Mai T về hành vi sử dụng chứng minh nhân dân của người khác để thực hiện hành vi trái với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 167/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội là người dân tộc Tày nhưng không thuộc xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 340, khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức), điểm b, s khoản 1 Điều 51 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Lương Mai T phạm tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. **Xử phạt:** Bị cáo Lương Mai T **7 (bảy)** tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” và **19 (mười chín)** tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **26 (hai mươi sáu)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. **Về vật chứng:** Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đỏ, đã qua sử dụng, số seri: F2MT9S8AHX9F, số Imei: 355837086310xxx, kiểu máy: MPR12LL/A của Lương Mai T được đựng trong 01 phong bì niêm phong.

(*Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 11/5/2021*).



4. **Về án phí:** Buộc bị cáo Lương Mai T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị P được quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày tuyên án; chị Phạm Trương Ngọc A được quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu**

